

So sánh đối chiếu câu hỏi về mặt hình thức trong tiếng Pháp và tiếng Việt

Đỗ Quang Việt*

*Trung tâm Nghiên cứu Phương pháp và Kiểm tra Chất lượng, Trường Đại học Ngoại ngữ,
Đại học Quốc gia Hà Nội, Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 06 tháng 5 năm 2008

Tóm tắt: Bài viết trình bày những kết quả thu được từ một phần đề tài nghiên cứu cấp Đại học Quốc gia Hà Nội mang tiêu đề *Khảo sát câu hỏi bằng ngôn từ trên bình diện cấu trúc hình thái và giá trị ngữ dụng trong tiếng Việt và tiếng Pháp (Trên cơ liệu lời thoại phim), mã số QN.06.11*. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi giới hạn khảo sát câu hỏi có cấu trúc nghi vấn trong tiếng Pháp và tiếng Việt nhằm tìm hiểu những tương đồng và khác biệt cơ bản về mặt hình thức của chúng. Kết quả đạt được của nghiên cứu này sẽ làm cơ sở cho một nghiên cứu tiếp theo: so sánh đối chiếu câu hỏi dưới góc độ giá trị ngữ dụng nhằm tìm ra sự khác biệt trên bình diện ngữ dụng và mối liên hệ giữa hình thức và giá trị ngữ dụng của câu hỏi trong hai thứ tiếng.

1. Đặt vấn đề

Câu hỏi giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong giao tiếp, như Goffman [1] đã nhấn mạnh: "Mỗi khi người ta nói chuyện với nhau là có thể nghe thấy những câu hỏi và câu trả lời". Dưới góc độ hình thức Benveniste [2] coi câu hỏi như một trong "ba dạng thức" phản ánh "ba hành vi ngôn ngữ cơ bản của con người". Còn đối với Diller [3], dưới góc độ nghiên cứu lý thuyết về các hành động ngôn ngữ thì "câu hỏi là một trong ba loại hành động ngôn ngữ quan trọng đầu tiên của con người". Kerbrat-Orecchioni [4], - người có chung quan điểm với Diller - nhấn mạnh vị thế đặc biệt của câu hỏi: "Câu hỏi là một trong ba hoạt động cơ bản, độc đáo và phổ dụng nhất, tất cả các hành động

lời nói khác hoặc là hình thành từ hoạt động hỏi hoặc chỉ là các dạng thức đặc biệt của nó mà thôi".

Một vài những trích dẫn trên đây có lẽ đã đủ để thấy rằng câu hỏi đóng một vai trò rất quan trọng trong giao tiếp và trên thực tế nó đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của giới ngữ học dưới các góc độ nghiên cứu khác nhau.

Trong lĩnh vực nghiên cứu về câu hỏi, giới ngữ học Pháp đều thừa nhận những đóng góp to lớn của Borillo [5], với công trình của ông công bố năm 1978 và các công trình của Ducrot [6,7] công bố năm 1981&1984. Trong tiếng Việt câu hỏi cũng là đề tài nghiên cứu của rất nhiều nhà ngôn ngữ có uy tín như Lê Đông [8-10], Cao Xuân Hạo [11,12], Nguyễn Phú Phong [13], Diệp Quang Ban và Hoàng Văn Thung [14], Nguyễn Kim Thán [15,16] ...

Tuy nhiên theo những nguồn tư liệu mà chúng tôi có được, chưa có một công trình nghiên cứu nào tiến hành so sánh đối chiếu

*ĐT: 84-4-2431672

E-mail: quangvietdo@yahoo.fr

một cách có hệ thống câu hỏi trong tiếng Pháp và tiếng Việt để tìm hiểu những đặc thù về hoạt động của câu hỏi trong hai thứ tiếng có nguồn gốc văn hóa - ngôn ngữ rất khác biệt này.

Khi tiến hành nghiên cứu này, chúng tôi hoàn toàn ý thức được tính phức tạp đặc biệt của câu hỏi. Thật vậy, nếu xét dưới góc độ hình thức, câu hỏi được biểu đạt thông qua các dấu hiệu từ vựng, hình thái - cú pháp, cú pháp hoặc ngữ điệu. Với tư cách là một hành động ngôn ngữ, câu hỏi tồn tại dưới dạng trực tiếp hoặc gián tiếp tùy theo phát ngôn có dấu hiệu nghi vấn hay không (Ở đây, chúng tôi chia sẻ quan điểm của Kerbrat-Orecchioni [17] khi đề cập tới dạng thức của câu hỏi, các thuật ngữ "trực tiếp" và "gián tiếp" mang tính nước đôi, vì sự phân biệt này có thể được hiểu trên bình diện cú pháp hoặc trên bình diện ngữ dụng: chẳng hạn như trong trường hợp biểu thức ngữ vi ("Je vous demande quelle heure il est" - Tôi hỏi anh mấy giờ rồi) câu hỏi này mang dạng thức trực tiếp (hay tường minh) theo quan điểm ngữ dụng, nhưng lại mang dạng thức gián tiếp nếu xét dưới góc độ ngữ pháp). Khi đóng vai trò là một đơn vị nhỏ nhất trong cấu trúc hội thoại và trong phát ngôn, câu hỏi có mối quan hệ phức hợp với các đơn vị ở cấp độ cao hơn (tham thoại, cặp thoại...) và với các chủ thể giao tiếp. Các công trình nghiên cứu đi trước về câu hỏi đã đạt được những kết quả vô cùng to lớn, nhưng câu hỏi vẫn luôn là chủ đề rộng lớn có một sức hấp dẫn đặc biệt, thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà ngôn ngữ học, xã hội học, tâm lý học, dân tộc học. Mặt khác, tác giả bài viết cũng hoàn toàn ý thức được rằng việc miêu tả câu hỏi dưới góc độ hình thức và hệ quả của nó sẽ không cho phép thấy rõ hết các dạng thức của câu hỏi, cũng như không cho phép nhận ra các cơ chế mà qua đó các dạng thức câu hỏi được phân định một cách khác nhau và hoạt động theo các tiêu chí lập luận - ngữ nghĩa, ngữ dụng.

Tuy vậy, một nghiên cứu so sánh đôi chiều câu hỏi trên bình diện hình thức trong tiếng Pháp và tiếng Việt sẽ có một ý nghĩa cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn, góp phần chi rõ những đặc thù về hoạt động của câu hỏi trong hai thứ tiếng có nguồn gốc văn hóa - ngôn ngữ rất khác biệt này.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi giới hạn khảo sát câu hỏi có cấu trúc nghi vấn trong tiếng Pháp và tiếng Việt nhằm tìm hiểu những tương đồng và khác biệt cơ bản về mặt hình thức của chúng. Kết quả đạt được của nghiên cứu này sẽ làm cơ sở cho một nghiên cứu tiếp theo: so sánh đôi chiều câu hỏi dưới góc độ giá trị ngữ dụng nhằm tìm ra sự khác biệt trên bình diện ngữ dụng và mối liên hệ giữa hình thức và giá trị ngữ dụng của câu hỏi trong hai thứ tiếng.

Nghiên cứu về câu hỏi, nếu dựa trên cứ liệu hội thoại đích thực là điều lí tưởng. Tuy nhiên để xây dựng được tập ngữ liệu từ hội thoại đích thực thì sẽ vô cùng khó khăn và tốn kém về thời gian và công sức. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, tác giả xây dựng tập ngữ liệu về câu hỏi có cấu trúc nghi vấn từ các đôi thoại trong hai kịch bản phim *Sóng ở đáy sông* [18] và *Indochine* [19] (*Đông dương*). Tập ngữ liệu tiếng Pháp bao gồm 128 câu hỏi. Tập ngữ liệu tiếng Việt bao gồm 333 câu hỏi.

Việc lựa chọn ngôn ngữ đôi thoại phim làm ngữ liệu nguồn được cân nhắc với những lí do sau đây:

- Về mặt lý thuyết, theo Kerbrat-Orecchioni [20], dù thuộc loại "nhân tạo" hay "hư cấu" (đôi lập với loại đôi thoại "tự nhiên" hay "đích thực"), các đôi thoại trong kịch bản phim được biểu đạt dưới dạng văn nói và tương đối gắn gũi với loại đôi thoại đích thực. Mặt khác, đôi thoại phim là nguồn ngữ liệu phong phú, cung cấp cho nghiên cứu những dữ liệu rất đa dạng về thể loại câu hỏi.

- Về mặt thực tiễn, phương pháp này cho phép thu được số lượng lớn những dữ liệu

trong một khoảng thời gian nhất định, điều này đáp ứng môi quan tâm về tính kinh tế và tính khả thi trong điều kiện nghiên cứu hiện tại. Mặt khác, tập dữ liệu này còn có thể được sử dụng cho nghiên cứu dự tính tiếp theo: so sánh đối chiếu câu hỏi trong hai thứ tiếng dưới góc độ giá trị ngữ dụng. Tập ngữ liệu này sẽ đảm bảo tính nhất quán trong nghiên cứu so sánh đối chiếu. Và lại, cốt chuyện của hai cuốn phim được lựa chọn làm cứ liệu nguồn có tính tương đồng về thời gian và địa điểm (đều xảy ra ở Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ 20).

Để tiến hành nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng cả hai phương pháp luận nghiên cứu: nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng:

- Nghiên cứu định tính thông qua việc khái quát những quan điểm cơ bản của các tác giả theo quan điểm truyền thống nhằm xây dựng cơ sở lý luận cho việc thu thập và phân tích dữ liệu.

- Nghiên cứu định lượng thông qua việc thống kê, phân tích dữ liệu nhằm đưa ra những nhận xét và bình luận về những tương đồng và khác biệt về mặt hình thức của câu hỏi trong hai thứ tiếng.

Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể khác như so sánh, đối chiếu, phân tích, tổng hợp các dữ liệu thu thập được nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

2. Những dấu hiệu hình thức của câu hỏi trong tiếng Pháp và tiếng Việt

Để có cơ sở lý luận cho việc tiến hành khảo sát câu hỏi dưới góc độ hình thức, tác giả bài viết sẽ khái quát một số quan điểm cơ bản của các tác giả Pháp và Việt về câu hỏi nhằm đưa ra những tiêu chí cho phép thu thập và phân tích số liệu trong mỗi thứ tiếng.

2.1. Trong tiếng Pháp

Trong tiếng Pháp, các nhà ngữ pháp theo quan điểm truyền thống như Jean Dubois và René Lagane [21], dựa trên tiêu chí hình thức để phân loại câu nghi vấn, theo đó câu nghi vấn được chia thành nghi vấn trực tiếp/nghi vấn gián tiếp, nghi vấn toàn bộ/nghi vấn bộ phận. Cũng như Jean Dubois và René Lagane, Monnerie [22], sử dụng những tiêu chí hình thái-cú pháp để phân loại câu hỏi. Theo tác giả, trong tiếng Pháp, câu hỏi được nhận diện từ những câu có một trong những dấu hiệu hình thức sau: cụm từ "est-ce que", đảo chủ ngữ hoặc láy lại chủ ngữ là danh từ bằng một đại từ, các từ để hỏi, ngữ điệu (trong văn nói), trong văn viết, câu hỏi luôn kết thúc bằng dấu chấm hỏi (?)

Wagner và Pinchon [23], cũng dựa trên những tiêu chí hình thức để phân loại câu hỏi, theo đó câu hỏi mang những đặc trưng sau: thể loại hỏi trực tiếp, gián tiếp hay gián tiếp tự do, phạm vi hỏi toàn phần hoặc bộ phận, dấu hiệu hình thức, ý nghĩa của các dấu hiệu đó.

Như vậy các nhà ngữ pháp theo quan điểm truyền thống của Pháp đã tương đồng nhất trong việc sử dụng tiêu chí hình thức để phân loại câu hỏi, theo đó các dấu hiệu hình thức cho phép nhận diện

a) câu hỏi toàn phần

- "est-ce que" đứng đầu câu hoặc "hein?" "non?" hay "n'est-ce pas?" ở cuối câu,

- Đảo chủ - vị,

- Sử dụng ngữ điệu hỏi (lên giọng cuối câu) trong văn nói, dấu (?) trong văn viết.

b) câu hỏi câu hỏi bộ phận

- Sử dụng từ để hỏi, có thể đi kèm hoặc không đặc ngữ "est-ce que":

- + tính từ hỏi: "quel (nào)",

- + trạng từ hỏi: "quand (khi nào)", "où (đâu)" "pourquoi (tại sao)", "combien (bao nhiêu)", "comment (thế nào)",

+ Đại từ hỏi: "qui (ai)", "que/quoi (gì)"
« lequel/laquelle (cái nào)".

2.2. Trong tiếng Việt

Các nhà ngữ pháp theo quan điểm truyền thống của Việt Nam cũng tương đối thống nhất trong việc miêu tả câu hỏi dưới góc độ hình thức. Chúng tôi xin trích dẫn Nguyễn Kim Thành [24] để giới thiệu các dạng câu hỏi tiếng Việt. Theo tác giả, về hình thức câu hỏi tiếng Việt có thể chia thành 3 loại.

a) Câu hỏi toàn phần

Thông tin cần hỏi liên quan đến giá trị thật của toàn bộ nội dung mệnh đề. Câu hỏi toàn phần được hình thành từ câu kể nhờ một số cách thức sau:

- Thêm vào cuối câu kể một số ngữ thái từ chuyên dụng như *à, ư, chẳng, chắc, chứ* hoặc *đấy à, đấy ư, được không...*

- Thêm *có* hoặc *đã* vào trước thành phần vị ngữ và thêm *không* hoặc *chưa* vào cuối câu.

- Thêm cụm từ *có phải không* hoặc *có được không* vào cuối câu kể. Ví dụ:

b) Câu hỏi bộ phận

Thông tin cần hỏi chỉ liên quan đến một bộ phận của câu.

Để hình thành dạng câu hỏi này, đại từ nghi vấn được sử dụng để thay thế cho một thành phần của câu. Ví dụ:

Ai đi?

Đâu là chân lý?...?

Trong văn nói, để diễn đạt sắc thái tôn trọng, lịch sự hoặc thân mật, câu hỏi tiếng Việt thường đi kèm với một số từ chỉ tình thái. Những từ này làm giảm sắc thái gay gắt thường thấy ở các câu hỏi ngắn. Vì vậy việc sử dụng các từ tình thái này là rất cần thiết để đặt câu hỏi để đảm bảo sự lịch sự trong giao tiếp.

Ai đi? - Ai đi ạ? (Câu hỏi lịch sự)

Ai đi đấy nhỉ? (Câu hỏi thân mật)

c) Câu hỏi lựa chọn

Người hỏi đặt câu hỏi với mục đích yêu cầu người trả lời lựa chọn một trong số các đáp án cho sẵn. Dạng câu hỏi này được hình thành với liên từ *hay, hay là*. Để tạo nên câu hỏi loại này có những cách thức sau:

- Hai từ hoặc hai cụm từ tạo nên sự lựa chọn được nối với nhau bằng quan hệ từ *hay, hay là*,

- Từ hoặc cụm từ để hỏi được đặt giữa *có* và *không, đã* và *chưa, có phải* và *không, đã phải* và *chưa*.

Tóm lại, theo Nguyễn Kim Thành, câu hỏi trực tiếp trong tiếng Việt được hình thành từ một trong những cách thức sau:

- Sử dụng đại từ nghi vấn

- Sử dụng ngữ thái từ hỏi ở cuối câu kể

- Sử dụng quan hệ từ trong câu lựa chọn

Chú thích:

- Không giống như tiếng Pháp, trật tự của câu hỏi trong tiếng Việt không thay đổi có nghĩa là chủ ngữ luôn đứng trước vị ngữ.

- Trong một số trường hợp, có sự khác biệt về nghĩa khi từ để hỏi đứng đầu hay đứng cuối câu. Ví dụ:

- Bao giờ nó đến?

- Nó đến bao giờ?

Như vậy, trong tiếng Việt, các dấu hiệu cho phép nhận diện

* Câu hỏi toàn phần

- Các từ để hỏi đứng cuối câu như: *à, ư, chẳng, chắc, chứ, hoặc đấy à, đấy ư, nhỉ, được không, phải không, đúng không, những cụm từ để hỏi: có... không?, đã ... chưa?*

* câu hỏi bộ phận

- Đại từ để hỏi thay thế cho cho các thành phần được hỏi: *Ai, gì, nào, đâu, thế nào, bao giờ, tại sao, để làm gì, bao nhiêu*

* câu hỏi lựa chọn: liên từ *hay/hay là ... ?*

Trên cơ sở khái quát những dấu hiệu hình thức của câu hỏi trong hai thứ tiếng, chúng tôi tiến hành phân loại, thống kê và phân tích hai tập ngữ liệu thu thập từ các đối thoại trong hai kịch bản phim đã giới thiệu

trong phần trên để làm rõ những tương đồng và khác biệt cơ bản về mặt hình thức của câu hỏi trong tiếng Pháp và tiếng Việt.

3. Phân tích số liệu

3.1. Câu hỏi trong tiếng Pháp

3.1.1. Giới thiệu kết quả thống kê

Việc phân loại, thống kê các câu hỏi trong tập ngữ liệu tiếng Pháp cho kết quả sau:

- Trên tổng số 128 câu hỏi, có 57 câu hỏi toàn bộ chiếm 44,53%, 71 câu hỏi bộ phận chiếm 55,47%.

- Trong số 57 câu hỏi toàn bộ, câu hỏi sử dụng ngữ điệu là nhiều nhất (47 trường hợp, chiếm 82,46%), tiếp đến là câu hỏi tình lược (7 trường hợp chiếm 12,28%), câu hỏi toàn bộ sử dụng "est-ce que" hoặc câu hỏi đảo ít được sử dụng (2 trường hợp chiếm 3,5% và 1 trường hợp chiếm 1,75%).

Kết quả thống kê về câu hỏi toàn bộ trong ngữ liệu tiếng Pháp được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 1. Bảng thống kê các câu hỏi toàn phần trong ngữ liệu tiếng Pháp

Câu hỏi toàn bộ (Câu trúc)	Ngữ liệu tiếng Pháp (57 câu hỏi)	
	Các trường hợp	%
A. Sử dụng <i>Est-ce-que</i>	2	3,51%
B. Đảo chủ vị	1	1,75%
C. Sử dụng ngữ điệu	47	82,76%
D. Câu hỏi tình lược	7	12,28%
Tổng số	57	100%

Ví dụ:

Dạng A: Camille: (...) mais est-ce que j'ai la taille assez fine? (CQF, n°3, p.5)

(Nhưng có phải con có thân hình hơi mảnh mai không?)

Dạng B: Xuy: Vous ne devez pas sortir du chariot. Vous êtes un blanc déserteur, faut-il vous le rappeler? (CQF, n°82, p.151)

(Ông không phải ra khỏi xe chuyển hàng đâu. Ông là một lính da trắng đảo ngũ, Liệu có phải nhắc ông điều đó không?)

Dạng C: Eliane: Tu ne m'écoutes pas...? Tu rêves? (CQF, n°30, p.40)

(Anh không nghe em nói à? Anh mê ngủ à?)

Dạng D: Mme Minh Tam: Un peu de champagne? (CQF, n°46, p.64)

(Một chút sâm banh nhé?)

- Trong số các câu hỏi bộ phận, những câu hỏi sử dụng cấu trúc *est-ce-que* (A) xuất hiện ít hơn dạng câu hỏi B (không có *est-ce-que*), (10 trường hợp chiếm 14,08% so với 61 trường hợp chiếm 85,92%). Trong phần lớn

các trường hợp, người hỏi thường đặt từ để hỏi ở đầu mỗi câu hỏi (51 trường hợp chiếm 73,24%). Dạng câu hỏi "Chủ vị + từ để hỏi" được coi là câu hỏi thân mật chỉ xuất hiện 10 trường hợp chiếm 14,08 %.

Câu hỏi tình lược xuất hiện nhiều trong các câu hỏi bộ phận (10 trường hợp chiếm 14,08%)

Chúng tôi cũng nhận thấy có sự khác biệt rất lớn về cách thức lựa chọn từ để hỏi: *que* được sử dụng nhiều nhất (17 trường hợp chiếm 25%), *quel* hiếm khi được sử dụng (2 trường hợp chiếm 2,9%). Những từ để hỏi khác có số lần sử dụng vừa phải: *combien* (8 trường hợp chiếm 11,76%), *quoi* (8 trường hợp chiếm 11,76%), *pourquoi* (7 trường hợp chiếm 10,29%), *comment* (6 trường hợp chiếm 8,82%), *où* (6 trường hợp chiếm 8,82%), *qui* (5 trường hợp chiếm 7,35%), *quand* (4 trường hợp chiếm 5,88%). Kết quả thống kê về câu hỏi bộ phận trong ngữ liệu tiếng Pháp được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 2. Bảng thống kê các câu hỏi bộ phận trong ngữ liệu tiếng Pháp

Câu hỏi bộ phận (Cấu trúc)	Ngữ liệu tiếng Pháp (71 câu hỏi)	
	Trường hợp	%
A. Câu hỏi sử dụng <i>est-ce-que</i>	10	14,08%
B. Câu hỏi không sử dụng <i>est-ce-que</i>	61	85,92%
B.1 Từ để hỏi + đảo Chủ - vị	19	26,76%
B.2 Từ để hỏi + Chủ - vị	22	30,99%
B.3 Chủ - vị + từ để hỏi.	10	14,08%
B.4 Câu hỏi bộ phận tinh lược	10	14,08%
Tổng số	71	100%

Dạng A: Eliane: *Qu'est-ce que tu racontes?* (CQF, n°52, p.81)

(*Con kể về cái gì đấy?*)

Dạng B

B1: Jean-Baptiste (*il rit*): *Et maintenant, à quoi rêvez-vous?* (CQF, n°28, p.34)

(*Thế bây giờ, bà mơ đến cái gì đấy?*)

B2: Eliane: *Mais pourquoi tu ne m'as rien dit?* (CQF, n°44, p.61)

(*Nhưng sao cậu không nói gì với tôi cả?*)

B3: Guy: *Tu en as fiché combien depuis ce matin?* (CQF, n°50, p.72)

(*Chú mày ghi được bao nhiêu tờ sáng tới giờ?*)

B4: Eliane: *Réponds-moi, Guy! Pourquoi?* (CQF, n°95, p.177)

(*Hãy trả lời em, Guy! Tại sao?*)

3.1.2. Nhận xét qua kết quả thống kê

Những chủ thể giao tiếp người Pháp trong phim "Đông Dương" có xu hướng sử dụng ít câu hỏi toàn bộ - dạng câu hỏi dẫn đến câu trả lời "oui" (có) hoặc "non" (không) (57 trường hợp chiếm 44,53%), họ sử dụng nhiều câu hỏi bộ phận, dạng câu hỏi yêu cầu cung cấp một thông tin cho một bộ phận của câu (71 trường hợp chiếm 55,47%). Qua nhận xét này, liệu chúng ta có thể đưa ra giả định, có lẽ người Pháp có xu hướng đặt nhiều câu hỏi bộ phận hơn là câu hỏi toàn bộ trong cuộc sống?

- Đối với câu hỏi toàn bộ, cấu trúc « chủ vị + ngữ điệu » là cấu trúc được sử dụng

nhieu nhất. Đó là một nhận xét quan trọng liên quan đến ngôn ngữ nói mà chúng tôi thấy trong các hội thoại phim. Nhận xét này càng có cơ sở khi chúng tôi đối chiếu với các sách ngữ pháp tiếng Pháp mà theo đó các tác giả đối lập câu hỏi có cấu trúc "chủ vị + ngữ điệu" - đặc điểm của ngôn ngữ nói với câu hỏi đảo chủ vị - đặc điểm của ngôn ngữ viết. Nếu như dạng câu hỏi có cấu trúc "chủ vị + ngữ điệu" được sử dụng nhiều nhất (79,66%) trong số những câu hỏi toàn phần thì câu hỏi sử dụng "est-ce-que" và câu hỏi đảo chủ vị được sử dụng rất ít (3,39% và 1,69%). Kết quả này thu được từ ngữ liệu rất khiêm tốn (57 trường hợp) lại tương ứng một cách ngẫu nhiên với kết quả nghiên cứu của TERRY R. (1967) trên ngữ liệu ngôn ngữ phong phú gồm 3016 trường hợp câu hỏi toàn phần, chỉ có 3,22% câu hỏi được sử dụng "est-ce que" và 85,54% câu hỏi sử dụng ngữ điệu.

Ngoài ra, chúng tôi quan sát thấy trong ngữ liệu trong phim Đông Dương không có các dạng câu hỏi lặp đi lặp lại, hoặc không hoàn chỉnh hay câu hỏi sử dụng các từ để hỏi đứng cuối câu như "hein?", "non?", "n'est-ce-pas?" vốn là những yếu tố điển hình của ngôn ngữ nói, điều này cho thấy các hội thoại trong điện ảnh còn có khoảng cách so với hội thoại đích thực.

Những giả định đưa ra trên đây xuất phát từ việc phân tích tập ngữ liệu phim

Đông Dương có lẽ phải được kiểm chứng với việc phân tích một tập ngữ liệu khác đầy đủ hơn để có được độ tin cậy cần thiết. Tuy nhiên đây cũng là những nhận xét quan trọng làm cơ sở cho những suy nghĩ về các đặc điểm của hội thoại trong phim ảnh.

- Cũng giống như những gì chúng ta đã thấy trong câu hỏi toàn bộ, đối với câu hỏi bộ phận, những câu không sử dụng "est-ce que" nhiều hơn là những câu có sử dụng cụm từ này. Liệu đó đây có phải là vấn đề liên quan đến tính tiết kiệm lời nói trong giao tiếp?

Trong phần lớn những trường hợp của câu hỏi bộ phận, dù vị trí của các thành phần được hỏi là chủ ngữ, vị ngữ hay bổ ngữ, người nói vẫn thường thích đặt từ hỏi ở đầu mỗi câu hỏi (83,6%), điều này đặt cho chúng ta giả thiết: liệu người Pháp có quá ưu tiên những từ dùng để hỏi trong chuỗi lời nói nhờ vào tính mềm dẻo của cú pháp?

Chúng ta cũng nhận thấy sự xuất hiện những câu hỏi tình lược, chỉ bao gồm 1 từ hay 1 danh ngữ. Những câu hỏi loại này xuất hiện cả trong câu hỏi toàn bộ cũng như trong câu hỏi bộ phận. Tuy nhiên chúng lại chiếm 1 tỷ lệ không cao trong những đoạn hội thoại trên phim. Trong số những câu hỏi tình lược, người ta phân biệt những câu hỏi chỉ bao gồm 1 từ hay 1 nhóm từ tình lược động từ với những "câu hỏi siêu giao tiếp" (questions

métacommunicatives) hay còn được gọi bằng một thuật ngữ khác "câu hỏi điều tiết" (questions régulatrices). Sự khác nhau chủ yếu giữa 2 loại câu hỏi này là: câu hỏi tình lược động từ đòi hỏi phải có câu trả lời còn câu hỏi điều tiết nhằm làm sáng tỏ 1 ý nào đó mà người nói vừa đưa ra để duy trì giao tiếp giữa những người tham gia hội thoại.

3.2. Câu hỏi trong tiếng Việt

3.2.1. Giới thiệu kết quả thống kê

Việc phân loại, thống kê các câu hỏi trong tập ngữ liệu tiếng Việt cho kết quả sau:

- Trên tổng số 333 câu hỏi, có 184 câu hỏi toàn bộ chiếm 55,25%, 141 câu hỏi bộ phận chiếm 42,34%, 8 câu hỏi lựa chọn chiếm 2,4%.

- Trong số 184 câu hỏi toàn bộ, câu hỏi có tiểu từ hỏi đứng trước và sau vị ngữ là nhiều nhất (73 trường hợp, chiếm 39,67%), tiếp đến là câu hỏi có tiểu từ hỏi đứng ở cuối câu (69 trường hợp chiếm 37,50%), đứng thứ ba là các câu hỏi có cấu trúc của câu kể và thêm dấu (?) ở cuối câu (31 trường hợp, chiếm 16,85%). Các dạng câu hỏi khác (D, E, F) chiếm tỉ lệ rất thấp (Xem bảng 3)

a. Về câu hỏi toàn bộ

Kết quả thống kê về câu hỏi toàn bộ trong ngữ liệu tiếng Việt được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 3. Thống kê cấu trúc câu hỏi toàn bộ trong dữ liệu tiếng Việt

Câu hỏi toàn bộ (cấu trúc)	Dữ liệu tiếng Việt (184 câu hỏi)	
	Trường hợp	%
A. Chủ ngữ + Vị ngữ	31	16,85%
B. Chủ ngữ + Vị ngữ + Tiểu từ hỏi cuối câu:	69	37,50%
1. Chủ ngữ + Vị ngữ + à, chú, nhỉ, nhé, hả, chứ gì?	49	26,63%
2. Chủ ngữ + Vị ngữ + (có) phải không / đúng không?	11	5,98%
3. Chủ ngữ + Vị ngữ + được không/ được chứ?	9	4,89%
C. Tiểu từ hỏi đứng trước và sau vị ngữ:	73	39,67%
1. Chủ ngữ (có) + động từ + bổ ngữ + không?	53	28,80%
2. Chủ ngữ (đã)+động từ + bổ ngữ + chưa?	19	10,33%
3. Chủ ngữ có phải (động từ "là" + bổ ngữ + không?	1	0,54%

D. Tiểu từ hỏi đứng trước chủ ngữ và sau vị ngữ: <i>Có phải</i> + Chủ ngữ + động từ + bổ ngữ (<i>không</i>)?	5	2,72%
E. (<i>có</i>) + động từ + <i>không</i> ? (câu hỏi vô nhân xưng)	4	2,17%
F. Từ hay cum danh từ (câu hỏi tình lược vị ngữ)	2	1,08%
Tổng số	184	100%

Ví dụ:

Dạng A. những câu hỏi sử dụng dấu (?) cuối câu: Cấu trúc “Chủ ngữ + Vị ngữ?”

Núi: *Cậu bảo sao? Hiển định tư tử?* (CQV số 99)

Dạng B. những câu hỏi có dạng “Chủ ngữ + Vị ngữ + tiểu từ dùng để hỏi?”

Chị Hiền: *Thế là đêm hôm qua con không ngủ à?* (CQV số 17)

Ông Đại: *Một gì cũng phải xuống chào cậu chứ?* (CQV số 11)

Một người hàng xóm: *Nghe nói nhà chị giàu nhất dưới “Phòng” phải không?* (CQV số 55)

Dạng C. những câu hỏi với các tiểu từ kép dùng để hỏi đứng trước và sau vị ngữ:

Thằng Ý: *Tôi gọi chúng nó là em, nhưng chúng nó chỉ là con của chị nhà quê, là con ở của nhà tôi, di có biết không?* (CQV số 8)

Cô gái: *Anh Núi đã xem phim ở quê bao giờ chưa?* (CQV số 74)

Dạng D. những câu hỏi với các tiểu từ kép dùng để hỏi đứng trước chủ ngữ và sau vị ngữ:

Núi: *Có phải anh muốn em “làm việc” với tình địch của anh không?* (CQV số 188)

Dạng E. những câu hỏi toàn bộ vô nhân xưng:

Núi: *Thật không?* (CQV số 287)

Dạng F. những câu hỏi toàn bộ tình lược:

Ông Đại: *Ba tháng rưỡi?* (CQV số 148)

Nếu lấy sự xuất hiện hay vắng mặt tiểu từ hỏi trong câu hỏi toàn bộ làm tiêu chí phân loại và thống kê, ta có kết quả như sau:

- Những câu hỏi toàn bộ không có tiểu từ hỏi chỉ chiếm 17,93% (bao gồm các dạng câu hỏi A+F), câu hỏi có các tiểu từ hỏi tách biệt

chiếm nhiều nhất 44,56% (bao gồm các dạng câu hỏi C+D+E), câu hỏi được hình thành với tiểu từ hỏi ở cuối câu chiếm vị trí thứ 2 (37,5%).

- Cấu trúc câu hỏi được sử dụng nhiều nhất trong tập phần ngữ liệu là “Chủ ngữ (*có*) + Vị ngữ + *không*?” (53 trường hợp chiếm 28,8%). Tiếp theo là loại câu hỏi “Chủ ngữ + Vị ngữ + tiểu từ hỏi ở cuối câu (*à, chứ, nhỉ, nhé, hả, chứ gì*)” (49 trường hợp chiếm 26,63%) và những câu hỏi “Chủ ngữ + Vị ngữ?” (31 trường hợp chiếm 16,85%).

- Những câu hỏi “Chủ ngữ + *đã* + Vị ngữ + *chưa*?” chiếm một số lượng đáng kể trong số những câu hỏi toàn bộ (19 trường hợp chiếm 10,33%); trong khi đó những câu hỏi toàn bộ có cấu trúc “Chủ ngữ + Vị ngữ + (*có*) *phải không/ đúng không?*” và “Chủ ngữ + Vị ngữ + *được không/ được chứ?*” chiếm một tỉ lệ thấp (5,98% và 4,89%).

- Những câu hỏi có cấu trúc “*Có phải* + Chủ ngữ + Vị ngữ (*không*)?”, những câu hỏi toàn bộ vô nhân xưng, những câu hỏi toàn bộ tình lược và những câu hỏi “Chủ ngữ + *có phải* “là” + động từ + bổ ngữ + *không*?” chiếm số lượng không đáng kể trong những câu hỏi toàn bộ (chỉ 2,72%; 2,17%; 1,08% và 0,54%).

b. Về câu hỏi bộ phận

Xét trên phương diện chức năng cú pháp của từ dùng để hỏi người ta phân biệt 4 loại câu hỏi bộ phận trong tập ngữ liệu tiếng Việt:

A. câu hỏi bộ phận có cấu trúc “*Từ để hỏi* + Vị ngữ?” dùng để hỏi chủ ngữ của câu chiếm 7,09%

Ông Đại: *Núi, nhà này ai lớn nhất?* (CQV số 12)

B. câu hỏi bộ phận có cấu trúc “Chủ ngữ + động từ + *Từ để hỏi*” dùng để hỏi về bổ ngữ của động từ hay thuộc ngữ của chủ ngữ chiếm 34,04%:

Chị Hiền: *Núi, con làm gì đấy?* (CQV số 30)

C. những câu hỏi bộ phận dùng để hỏi những bổ ngữ chi hoàn cảnh chiếm 49,65%:

Chị Hiền: Nhà mình thế này, anh chị em còn phải đi đâu? (CQV số 18)

Chị Hiền: *Núi ơi, (...) Con thức từ lúc nào thế con?* (CQV số 27)

Ông Đại: *Sao con lại run?* (CQV số 33)

D. những câu hỏi bộ phận tinh lược:

Núi: Vì sao mơ? (CQV số 112)

Bà Mùi: Để làm gì? (CQV số 158)

Núi: Gì cơ? (CQV số 67)

Về vấn đề phân bố từ hỏi trong câu thì tỷ lệ những câu hỏi bộ phận có từ hỏi ở cuối câu

là cao hơn hẳn so với ở đầu câu (67,38% và 21,99%).

Cũng có sự khác nhau trong việc lựa chọn từ hỏi: *gì/nào?* là từ được sử dụng nhiều nhất (43 trường hợp chiếm 30,5%), *sao/tại sao?* chiếm vị trí thứ 2 (23 trường hợp chiếm 16,31%), tiếp đến là những câu hỏi *thế nào/ ra sao?* (22 trường hợp chiếm 15,6%), *ai?* (16 trường hợp chiếm 11,35%), *đâu?* (14 trường hợp chiếm 9,93%), *bao nhiêu/ mấy + danh từ* (7 trường hợp chiếm 4,96%), *bao giờ?* (6 trường hợp chiếm 4,26%).

Mặt khác, ta còn quan sát thấy những câu hỏi bộ phận tinh lược chỉ có duy nhất 1 từ dùng để hỏi: (*Ở đâu? Vì sao? Để làm gì? Bao nhiêu? Sao?*)

Kết quả thống kê về cấu trúc câu hỏi bộ phận dựa trên dữ liệu tiếng Việt được giới thiệu trong bảng tóm tắt dưới đây:

Bảng 4. Thống kê cấu trúc câu hỏi bộ phận theo dữ liệu tiếng Việt

Câu hỏi bộ phận (Cấu trúc)	Dữ liệu tiếng Việt (141 câu hỏi)	
	Các trường hợp	%
A. Câu hỏi hỏi chủ ngữ (<i>Từ hỏi</i> + Vị ngữ?)	10	7,09%
B. Câu hỏi hỏi bổ ngữ hay thuộc ngữ của chủ ngữ (Chủ ngữ + Vị ngữ + <i>từ để hỏi</i> ?)	48	34,04%
C. Câu hỏi hỏi bổ ngữ chi hoàn cảnh:	70	49,65%
1. chỉ nơi chốn: chủ ngữ + động từ + <i>ở đâu?</i>	13	
2. chỉ thời gian: CN + ĐT + <i>bao giờ/ khi nào?</i>	6	
3. chỉ cách thức: CN + ĐT + <i>thế nào/ ra sao?</i>	13	
4. chỉ nguyên nhân: <i>Sao/ tại sao</i> + CN + ĐT?	26	
5. chỉ mục đích: CN + ĐT + BN + <i>để làm gì?</i>	2	
6. chỉ số lượng: CN + ĐT + <i>mấy</i> + DT?	4	
7. chỉ sự kèm theo: CN + ĐT + <i>với ai?</i>	2	
8. chỉ phương tiện: CN + ĐT + BN + <i>bằng gì/cách nào?</i>	2	
9. chỉ giả thiết: <i>Nếu</i> + CN + ĐT + BN + <i>thì?</i>	2	9,22%
D. Câu hỏi tinh lược: <i>ở đâu</i> (1), <i>vì sao</i> (1), <i>sao lại</i> (1), <i>sao đấy</i> (1), <i>để làm gì</i> (2), <i>bao nhiêu</i> (3), <i>gì cơ, sao</i> (4)?	13	
Tổng số	141	100%

c. Trong phần dữ liệu, câu hỏi lựa chọn được biểu đạt về mặt hình thức:

- hoặc bởi 2 danh từ làm thuộc ngữ của chủ ngữ (tinh lược) được kết hợp bằng từ nối “*hay/hay là*”:

- *Núi: Trai hay gái?* (CQV số 77)

- *Người đàn bà: Hồng hay Thúy nào?* (CQV số 314)

- Hoặc bởi 2 tính từ cùng chủ ngữ (tinh lược) được kết hợp bằng từ nối “*hay*”:

- Ông Đại: (...) Già **hay** trẻ? (CQV số 41)
- Hoặc bởi 2 bổ ngữ được kết hợp bằng từ nối "hay":
 - Người công an: Anh sẽ nhập hộ khẩu vào chỗ bố anh **hay** em trai anh? (CQV số 242)
 - Hoặc bởi 2 vị ngữ có cùng chủ ngữ (tính lược) được kết hợp bằng từ nối "hay":
 - Ông Uyên: Đồ trạng nguyên **hay** thám hoa, bằng nhân? (CQV số 93)
 - Hoặc bởi 2 mệnh đề có cùng chủ ngữ được kết hợp bằng từ nối "hay":
 - Biển: (...) Anh lên Hà Nội **hay** đi tìm Hiền? (CQV số 178)
 - Hoặc bởi 2 mệnh đề có chủ ngữ khác nhau được kết hợp bằng từ nối "hay là":
 - Ông Đại: (...) Tòa nhà này của hương hỏa **hay** là bác tậu lại? (CQV số 24)

Do số lượng những câu thống kê được vẫn còn hạn chế nên chúng tôi chỉ có thể miêu tả 1 cách khái quát những cách thức tạo lập câu hỏi lựa chọn dựa trên dữ liệu tiếng Việt thu thập được nhằm cung cấp cho người đọc một hình ảnh nào đó về loại hình câu hỏi này trong khuôn khổ nghiên cứu.

3.2.2. Nhận xét qua kết quả thống kê

Trên cơ sở phân tích những kết quả thống kê trên ngữ liệu tiếng Việt chúng tôi rút ra những nhận xét dưới đây:

Ở phạm vi phân tích khái quát:

- Ngược lại với phim *Đông Dương*, chủ thể giao tiếp trong kịch bản phim *Sóng ở đáy sông* sử dụng nhiều câu hỏi toàn bộ hơn so với câu hỏi bộ phận (55,26% so với 42,34%).

- Những câu hỏi lựa chọn chiếm một số lượng rất nhỏ (8 trường hợp chiếm 2,4%).

Ở phạm vi phân tích chi tiết:

- Nhận xét đầu tiên liên quan đến sự khác biệt trong việc lựa chọn câu hỏi toàn bộ có hay không có từ để hỏi: cấu trúc được hình thành với những tiểu từ hỏi kép tách biệt chiếm tỉ lệ lớn nhất (44,56%), cấu trúc được hình thành với tiểu từ hỏi ở cuối câu chiếm vị

trí thứ 2 (37,5%), những câu hỏi toàn bộ không có từ dùng để hỏi chỉ chiếm 17,93% (bao gồm cả những câu hỏi toàn bộ tính lược). Như vậy, đối với những câu hỏi toàn bộ, trong phần lớn các trường hợp tiếng Việt sử dụng phương thức hình thái (thêm vào các tiểu từ dùng để hỏi); phương thức ngữ âm (dùng ngữ điệu lên giọng ở cuối mỗi câu hỏi) là ít được sử dụng.

- Nhận xét quan trọng thứ 2: vị trí của những từ dùng để hỏi trong câu hỏi bộ phận của tiếng Việt. Các chủ thể giao tiếp trong phim có xu hướng sử dụng nhiều những câu hỏi bộ phận với từ để hỏi ở cuối câu hơn là ở đầu câu. Liệu đó có phải là một nét đặc trưng về mặt hình thức của dạng câu hỏi bộ phận trong tiếng Việt? Cho đến lúc này chúng tôi đưa ra giả thiết này dựa trên cơ sở những kết quả thống kê để quy chiếu khi so sánh với dữ liệu tiếng Pháp.

- Cuối cùng, về mặt cú pháp, những câu hỏi toàn bộ và bộ phận tiếng Việt (trừ những câu hỏi bộ phận hỏi bổ ngữ chỉ nguyên nhân) đều tuân theo một trật tự thuận chiều cho dù câu hỏi có nhằm vào bộ phận nào: chủ ngữ luôn đứng trước vị ngữ, bổ ngữ luôn đi sau động từ. Câu hỏi hoặc là được biểu đạt bằng 1 dấu chấm hỏi (không có từ để hỏi) hoặc là bằng 1 từ để hỏi ở cuối mỗi câu hỏi, hoặc là những tiểu từ kép dùng để hỏi đứng trước và sau vị ngữ hay toàn bộ câu.

4. Những tương đồng và khác biệt cơ bản

Chúng ta đều biết rằng hội thoại phim ảnh chỉ là một thể loại diễn ngôn đặc biệt và quy mô ngữ liệu của nghiên cứu vẫn còn hạn chế về mặt số lượng, tuy nhiên những kết quả phân tích dữ liệu đã cung cấp cho chúng ta một bức tranh khá rõ ràng về những tương đồng và khác biệt cơ bản của câu hỏi dưới góc độ hình thức trong tiếng Pháp và tiếng Việt.

4.1. Tương đồng

Đôi với câu hỏi toàn bộ:

- Vẫn tồn tại trong cả 2 ngôn ngữ những câu hỏi toàn bộ sử dụng phương thức âm điệu (ngữ điệu lên giọng cuối câu) "CN + ĐT + BN?" mặc dù có một sự chênh lệch lớn về tỷ lệ loại câu này: 79,66% trong tiếng Pháp và 17,93% trong tiếng Việt.

- Câu hỏi toàn phần tinh lược động từ xuất hiện trong cả 2 ngôn ngữ.

Đôi với câu hỏi bộ phận:

- Trong cả 2 ngôn ngữ đều có câu hỏi bộ phận với cấu trúc "CN + Vị ngữ + từ để hỏi?"

- Trong cả 2 ngôn ngữ đều có câu hỏi bộ phận tinh lược động từ.

4.2. Khác biệt

Bên cạnh những điểm tương đồng nêu trên, câu hỏi trong tiếng Pháp có những khác biệt cơ bản về cấu trúc hình thức với câu hỏi trong tiếng Việt:

4.2.1. Đôi với câu hỏi toàn bộ

- Cấu trúc "VN + CN + BN ?" (đảo chủ vị) chỉ xuất hiện trong dữ liệu tiếng Pháp. Phương thức cú pháp để tạo câu hỏi dạng này là đặc thù của tiếng Pháp, một ngôn ngữ biến hình có tính linh hoạt và mềm dẻo về mặt cú pháp.

- Cấu trúc có tiểu từ kép dùng để hỏi tách rời nhau rất phổ biến trong dữ liệu tiếng Việt trong khi chúng lại không xuất hiện trong dữ liệu tiếng Pháp, tiếp đến là những câu hỏi được cấu tạo bằng tiểu từ hỏi cuối câu cũng rất phổ biến trong tiếng Việt. Phương thức đi kèm (thêm từ hỏi vào câu kể để tạo câu hỏi) là một trong những đặc thù về mặt hình thức của câu hỏi trong tiếng Việt - một ngôn ngữ đơn lập.

4.2.2. Đôi với câu hỏi bộ phận

- Cấu trúc "Từ để hỏi + ĐT + CN" (đảo chủ vị) chỉ xuất hiện trong dữ liệu tiếng Pháp, phương thức cấu tạo câu hỏi kiểu này không

chỉ có trong câu hỏi toàn bộ mà cả trong câu hỏi bộ phận. Nhưng cần lưu ý rằng người ta sử dụng cấu trúc này trong văn viết nhiều hơn là trong văn nói. Đây chính là phương thức cú pháp đặc thù cấu tạo câu hỏi trong những ngôn ngữ theo kiểu phân tích như tiếng Pháp, tiếng Anh...

- Trong khi cấu trúc câu hỏi bộ phận "CN + ĐT + từ để hỏi" rất phổ biến trong dữ liệu tiếng Việt thì trong phần lớn các trường hợp, người nói tiếng Pháp lại thích đặt từ để hỏi lên đầu câu dù cho các thành phần trong câu mà câu hỏi nhắm vào nằm ở vị trí nào của câu.

4.2.3. Nói chung, xét trên phương diện hình thức, để biểu đạt một câu hỏi, tiếng Việt - một ngôn ngữ đơn lập, luôn thiếu vắng các dấu hiệu hình thái học - chủ yếu dựa vào các phương thức "đi kèm" (procédés accompagnateurs) nhờ vào một hệ thống phong phú những từ hỏi (đại từ hỏi và tiểu từ hỏi), trong khi tiếng Pháp lại dựa vào những phương thức cấu tạo đa dạng hơn: phương thức âm điệu, phương thức từ vựng, phương thức cú pháp hoặc hình thái-cú pháp.

5. Thay lời kết luận

Những kết quả thống kê về sự tương đồng và khác biệt trong cấu trúc câu hỏi thể hiện một vài ích lợi trong việc mô tả và phân biệt các loại hình câu hỏi trong tiếng Pháp và tiếng Việt. Xét trên phương diện hình thức, các dấu hiệu nhận biết câu hỏi trong tiếng Pháp đa dạng: ngữ điệu trong văn nói, dấu (?) trong văn viết, từ vựng, cú pháp, hình thái - cú pháp thậm chí cả khi không tồn tại bất cứ dấu hiệu nào chỉ dựa vào ngữ cảnh. Trong khi đó những dấu hiệu nhận biết câu hỏi trong tiếng Việt đơn giản hơn, chủ yếu là các dấu hiệu từ vựng (đại từ hỏi), ngữ thái từ hỏi (đứng cuối câu) và vị trí của từ hỏi trong câu.

Tuy nhiên, những đặc trưng đơn thuần về mặt hình thức như đã trình bày ở trên chưa đủ để tạo lập những quy tắc phân biệt các dạng câu hỏi trong giao tiếp: cùng một cấu trúc hình thức của câu hỏi có thể biểu đạt những ý định giao tiếp khác nhau trong những tình huống khác nhau. Chẳng hạn như, trong tiếng Pháp, 1 câu hỏi " Pierre est arrivé?" (Pierre đã đến chưa?) có thể được hiểu như 1 câu hỏi yêu cầu thông tin hay như 1 câu hỏi kiểm tra, hay 1 câu hỏi nhằm khẳng định lại; còn trong tiếng Việt, 1 câu hỏi như "Anh đi đâu đấy?" trong những tình huống khác nhau thì có thể được hiểu như 1 câu hỏi yêu cầu thông tin hay 1 câu hỏi lễ nghi (Câu chào khi gặp nhau). Vậy, hiệu lực ngôn ngữ của một câu hỏi phụ thuộc vào chu cảnh phát ngôn hay nói cách khác là phụ thuộc vào tình huống giao tiếp. Sự phân loại câu hỏi trong các ngôn ngữ không thể chỉ dựa trên tiêu chí hình thức, mà còn trước hết phải dựa vào giá trị ngữ dụng của câu hỏi trong giao tiếp mới đạt được cái đích của ngôn ngữ - công cụ giao tiếp giữa người với người trong xã hội. Đây sẽ là chủ đề của bài viết tiếp theo *So sánh đối chiếu câu hỏi dưới góc độ ngữ dụng trong tiếng Pháp và tiếng Việt*, hi vọng sẽ được công bố trong thời gian gần đây.

Tài liệu tham khảo

- [1] E. Goffman, *Façon de parler*, Minuit, Paris (traduit de l'anglais par Alain Kihm), 1987.
- [2] E. Benveniste, *Problèmes de linguistique générale*, 1, Gallimard, Paris, 1996.
- [3] A.M. Dilier, *Etude des actes de langage indirects dans le couple question-réponse en français*, Thèse de Doctorat de Troisième cycle, Université de Paris VIII, Paris, 1980.
- [4] C. Kerbrat - Orecchioni, (Dir.), *La question*, P.U.L, Lyon, 1991. (Introduction: 5-37 et "L'acte de question et l'acte d'assertion": 87-111).

- [5] A. Borillo, *Structure et valeur énonciative de l'interrogation totale en français*, Doctorat d'Etat, Université de Provence, 1978.
- [6] O. Ducro, "Analyse pragmatique" in *Communication* No32, Paris, (1981)11.
- [7] O. Ducro, *Le dire et le dit*, Minuit, Paris, 1984.
- [8] Lê Đông, "Câu trả lời và câu đáp của câu hỏi", in *Ngôn ngữ số phụ*, 1985.
- [9] Lê Đông, « Vai trò của tiền giả định trong cấu trúc ngữ nghĩa - ngữ dụng của câu hỏi » in *Ngôn ngữ số 2* (1994) 41.
- [10] Lê Đông, *Ngữ nghĩa - ngữ dụng câu hỏi chính danh* (Trên ngữ liệu tiếng Việt), Luận án PTS Ngôn ngữ học, Hà Nội, 1996.
- [11] Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt- Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.
- [12] Cao Xuân Hạo (Chủ biên), *Câu trong tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000.
- [13] Nguyen Phu Phong, *Question de linguistique Vietnamienne*, Paris, Presses de l'école française d'Extrême-Orient, 1995.
- [14] Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- [15] Nguyen Kim Than, *Esai linguistique*, in *Etudes Vietnamiennes n° 40*, Éditions Langues Étrangères, Hanoi, 1975.
- [16] Nguyễn Kim Than, *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.
- [17] C. Kerbrat-Orecchioni, *Les actes de langage dans le discours*, Nathan, Paris, 2001.
- [18] Kịch bản: Lê Lưu - Lê Ngọc Minh Dựa theo tiểu thuyết cùng tên của Nhà văn Lê Lưu.
- [19] Indochine, Đạo diễn Régis Wargnier, kịch bản Louis Gardel, Erik Orsenna, Catherine Cohen, Régis Warnier.
- [20] C. Kerbrat-Orecchioni, "Dialogue littéraire vs conversation naturelle: le cas du dialogue romanesque", In *Champs du signe*, Presse universitaire du Mirail, 1996.
- [21] Dubois Jean et R. Lagane, *Nouvelle grammaire du français*, Larousse, Paris, 1973.
- [22] A. Monnerie, *Le français au présent*, Didier, Paris, 1987.
- [23] R.L. Wagner, J. Pinchon, *Grammaire du français classique et moderne*, Hachette, Paris, 1991.
- [24] Nguyen Kim Than, *Esai linguistique*, in *Etudes vietnamiennes n° 40*, Éditions Langues Étrangères, Hanoi, 1975.

A comparative study of French and Vietnamese questions in terms of formal structures

Do Quang Viet

*Research and Examinations Center, College of Foreign Languages,
Vietnam National University, Hanoi, Pham Van Dong Street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Clause complexes is a term used by Halliday in his Systemic Functional Grammar works as the grammatical unit above the clause instead of the traditional term «sentence». Clause complexes are categorised in terms of logical dependency relation into paratactic clause complexes and hypotactic clause complexes. Regarding the logico-semantic relation, clause complexes are divided into the relation of expansion and the relation of projection. This study aims to investigate on the features of hypotactic clause complexes of projection in Vietnamese.